

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2017/HSST
Ngày: 26/10/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng
2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 101/2017/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy K**; Sinh năm 1996, tại B.

Nơi cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh B.

Số chứng minh nhân dân: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Tsinh năm 1972; Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 03/10/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 03 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích” theo Bản án số 110/2013/HSST. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2017 cho đến nay (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy K là đối tượng nghiện ma túy nên mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lời có tiền mua ma túy về sử dụng. Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 27/7/2017, Nguyễn Trọng Q điện thoại cho K để hỏi mua ma túy đá,

K hẹn Q ra nhà K để lấy ma túy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Q đến chỗ ở của K ở gần chợ Bình Minh, Q đưa K số tiền 500.000đ để mua ma túy còn K đưa cho Q 01 gói giấy màu xanh bên trong có chứa ma túy đá. Ngay lúc đó, bị lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ 01 gói ma túy trên người Q, thu giữ của K 01 điện thoại di động và số tiền 1.000.000đ, qua khám xét còn thu giữ 01 gói ma túy trong tủ áo của K.

Quá trình điều tra, K khai nhận ngoài lần bán ma túy cho Q vào ngày 17/7/2017, K còn bán ma túy cho Q 02 lần, mỗi lần 500.000đ tại nhà của Q ở Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh B, thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ. Ngoài ra có lời khai Nguyễn Duy K và người làm chứng Nguyễn Xuân T cho rằng K bán cho T 01 lần ma túy với giá 500.000đ vào ngày 13/7/2017, khi T đưa tiền cho K thì K điều khiển xe đi lấy ma túy về cho T, sau khi lấy được ma túy thì T đem ra một ít cùng K sử dụng chung. Quá trình đối chất giữa T và K thì T và K đều khẳng định K không bán ma túy cho T mà chỉ đi mua dùm cho T, sau khi K mua về thì cùng nhau sử dụng. Tất cả nguồn gốc số ma túy, K mua của một người đàn ông tên Long không rõ nhân thân lai lịch.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy K thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Những người làm chứng cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật. Đại diện viện kiểm sát thực hành Q công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Duy K đủ yếu tố cấu thành “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Tại Bản kết luận giám định số 362/2017/GĐ ngày 01/8/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định:

- + Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon (M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,1370 gam, là Methamphetamin.

- + Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon (M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,7445 gam, là Methamphetamin.

Vật chứng vụ án: 0,1024g (M1), 0,5356g (M2) Methamphetamin (còn lại sau giám định); Số tiền 1.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Sony màu đen đã qua sử dụng. Trong quá trình điều tra không ai có ý kiến về kết luận giám định và vật chứng vụ án đã thu giữ.

Tại bản cáo trạng số: 95/CTr – VKS ngày 09/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy K phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; về hình phạt đề nghị áp dụng điểm b, p Khoản 2 Điều 194,

điểm p Khoản 1 Điều 46, 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K từ 07 đến 08 năm tù; Về vật chứng vụ án đề nghị tịch thu tiêu hủy số hủy hàm lượng ma túy còn lại sau khi giám định là dược liệu nhà nước cấm lưu hành. Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ thu trên người của K và 1.000.000đ tiền thu lợi bất chính, 01 điện thoại di động hiệu Sony màu đen đã qua sử dụng dùng vào việc phạm tội theo quy định tại Điều 41 bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Về án phí buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy K thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do bản thân bị nghiện ma túy, muốn có tiền mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lời nên khoảng 12 giờ 15 phút ngày 27/7/2017 Nguyễn Trọng Q đến nhà của K ở gần chợ Bình Minh để mua ma túy. Khi đến nhà, Q đưa cho K 500.000đ, K nhận tiền xong thì đưa cho Q 01 gói giấy màu xanh bên trong có chứa ma túy đá. Ngay lúc đó, bị lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ 01 gói ma túy trên người Q, thu giữ của K 01 điện thoại di động và số tiền 1.000.000đ, qua khám xét còn thu giữ 01 gói ma túy trong tủ áo của K. Quá trình điều tra, K và Q khai nhận ngoài lần bán ma túy cho Q vào ngày 27/7/2017, K còn bán ma túy cho Q 02 lần, mỗi lần 500.000đ tại nhà của Q ở Thôn 3, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, với số tiền 1.000.000đ. Tất cả nguồn gốc số ma túy, K mua của một người đàn ông tên Long không rõ nhân thân lai lịch.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định: hành vi mua ma túy về rồi bán của bị cáo Nguyễn Duy K cho Nguyễn Trọng Q tổng cộng 03 lần với số tiền 1.500.000đ đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “Phạm tội nhiều lần”, đồng thời vào năm 2013 bị cáo đã bị Tòa án xét xử về “Tội cố ý gây thương tích” theo Khoản 3 Điều 104 Bộ Luật Hình sự, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do cố ý, tại bản án số 110/2013/HSST ngày 03/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, với mức án là 03 năm tù. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo được xem là “tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

.....
b) Phạm tội nhiều lần;

p) Tái phạm nguy hiểm.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì muốn có tiền mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời nên đã mua bán ma túy cho người khác; Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; Làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nhất là hiện nay loại tội phạm về ma túy trên địa bàn huyện diễn ra ngày càng tăng. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử, chịu sự giáo dục của nhà nước nhưng không lấy làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Qua đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật.

Đối với hành vi mà bị cáo và người làm chứng Nguyễn Xuân T cho rằng bị cáo nhận tiền của T rồi đi mua dùm ma túy cho T. Mặc dù quá trình điều tra có lúc bị cáo và T khai là bán cho T. Tuy nhiên qua đối chất làm rõ giữa bị cáo và T thấy rằng bị cáo được T nhờ mua ma túy về sử dụng. Sau khi mua được ma túy về thì T đã lấy ra một ít ma túy mới mua được để cùng bị cáo và một người tên Công sử dụng chung. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo mua ma túy về cho T không vì mục đích mua bán nên không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi này.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, sau khi bị bắt đã tự nguyện khai nhận ra các lần phạm tội trước đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, mà giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[6] Về vật chứng vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 02 phong bì niêm phong số 362M1 và 362M2 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước là được liệu nhà nước cấm lưu hành, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ Luật Hình sự, điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình Sự cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sony màu màu đỏ đen số C6603 đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo dùng liên lạc bán ma túy trái phép, số tiền 1.000.000đ thu giữ khi phạm tội quả tang có 500.000đ tiền bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền 500.000đ còn lại thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên để đảm bảo thi hành án cần tiếp tục quản thủ.

Ngoài ra bị cáo còn bán ma túy cho Nguyễn Trọng Q 02 lần với số tiền 1.000.000đ, căn cứ Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a, c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự cần buộc bị cáo nộp lại thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy K phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, p Khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2017.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 02 phong bì niêm phong ký hiệu 362M1 và 362M2 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước. Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Sony màu màu đỏ đen số C6603. Tiếp tục quản thủ số tiền 500.000đ còn lại để đảm bảo thi hành án. (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009534 ngày 29/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng). Buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp lại số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long